

Số: 4548 /UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 9 năm 2020

V/v xử lý hụt thu ngân sách
tỉnh năm 2020 so với dự toán
HĐND tỉnh giao

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 8299/BTC-NSNN ngày 08/7/2020 về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2020; nhằm chủ động trong điều hành thu, chi ngân sách tỉnh năm 2020 và trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2170/STC-NS ngày 14/9/2020, UBND tỉnh xây dựng phương án xử lý phần hụt thu ngân sách tỉnh năm 2020 so với dự toán HĐND tỉnh giao, như sau:

I. Đánh giá chung:

Năm 2020, dự toán Trung ương giao từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 6.602 tỷ đồng (*ngân sách Trung ương hưởng là 792,2 tỷ đồng, ngân sách địa phương hưởng là 5.809,8 tỷ đồng*), dự toán này được xây dựng trên cơ sở giá dầu ở mức 60USD/thùng. Tuy nhiên, năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động lớn đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng; giá dầu thô thế giới luôn biến động giảm sâu ở mức bình quân 45USD/thùng (*giảm 15 USD/thùng so với giá dự toán*), làm giảm thu lớn từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ (có hiệu lực từ 01/01/2020) đã tác động giảm thu lớn của các sắc thuế từ các Nhà máy bia trên địa bàn. Với tình hình trên thì khả năng hụt thu NSNN so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao là rất lớn, dẫn đến mất cân đối thu, chi ngân sách tỉnh.

Để chủ động điều hành thu, chi ngân sách tỉnh trong điều kiện hụt thu, việc xây dựng phương án xử lý hụt thu ngân sách năm 2020 là hết sức cần thiết và theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

II. Dự kiến thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2020

1. Thu NSNN trên địa bàn (Chi tiết tại Phụ lục số 01):

Ước thu cân đối NSNN cả năm 2020 là 14.472 tỷ đồng, đạt 87,1% dự toán TW giao, bằng 78% dự toán HĐND tỉnh giao. Ước hụt thu NSNN năm 2020 so với dự toán TW giao là 2.138 tỷ đồng, hụt thu so với dự toán HĐND tỉnh giao là 4.088 tỷ đồng. Trong đó:

a) Thu nội địa: Ước thu cả năm 2020 là 10.012 tỷ đồng, đạt 72,2% dự toán TW giao, bằng 65,2% dự toán HĐND tỉnh giao. Ước hụt thu NSNN năm 2020 so với dự toán TW giao là 3.848 tỷ đồng, hụt thu so với dự toán HĐND tỉnh giao là 5.348 tỷ đồng. Trong đó:

(1) Thu từ khu vực DN nhà nước Trung ương quản lý ước hụt thu 2.598 tỷ đồng so với dự toán TW giao, hụt thu 3.098 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao (*tỉnh hụt thu 2.745 tỷ đồng, huyện tăng thu 16,8 tỷ đồng*). Trong đó, thu từ NMLD Dung Quất ước hụt thu so với dự toán giao:

- Hụt thu so với dự toán TW giao: 2.552 tỷ đồng (4.050 tỷ đồng – 6.602 tỷ đồng), trong đó: phần NSTW hụt thu 306 tỷ đồng, phần NSĐP hụt thu 2.246 tỷ đồng.

- Hụt thu so với dự toán HĐND tỉnh giao: 3.052 tỷ đồng (4.050 tỷ đồng – 7.102 tỷ đồng), trong đó: phần NSTW hụt thu 366 tỷ đồng, phần NSĐP hụt thu 2.686 tỷ đồng.

(2) Thu tiền sử dụng đất ước thu 900 tỷ đồng, hụt thu 100 tỷ đồng so với dự toán TW giao và hụt 1.100 tỷ đồng so dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó: cấp tỉnh thu 360 tỷ đồng (*hụt thu 1.100 tỷ đồng*), cấp huyện thu 540 tỷ đồng (*đạt 100%*).

(3) Các khoản thu còn lại ước đạt 4.723 tỷ đồng, hụt thu 1.150 tỷ đồng so với dự toán TW và dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó: phần NSTW hụt thu 77 tỷ đồng, phần NSĐP hụt thu 1.073 tỷ đồng (*tỉnh hụt thu 684 tỷ đồng, huyện hụt thu 389 tỷ đồng*).

b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu: ước thu cả năm 2020 là 4.460 tỷ đồng, đạt 162,2% dự toán TW giao, bằng 139,4% dự toán HĐND tỉnh giao. Ước tăng thu NSNN năm 2020 so với dự toán TW giao là 1.710 tỷ đồng và tăng 1.260 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh.

2. Thu cân đối năm 2020, phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 8.380 tỷ đồng (*cấp tỉnh: 6.562 tỷ đồng; cấp huyện: 1.818 tỷ đồng*), giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao là 4.901 tỷ đồng (*cấp tỉnh giảm: 4.529 tỷ đồng, cấp huyện giảm: 372 tỷ đồng*).

III. Nội dung Phương án điều hành ngân sách

Dự kiến thu NSNN năm 2020, phần ngân sách địa phương được hưởng là 8.380 tỷ đồng thấp hơn định mức chi năm 2017 - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, dự kiến mất cân đối thu chi ngân sách địa phương so với dự toán HĐND tỉnh giao là 4.901 tỷ đồng (*cấp tỉnh giảm: 4.529 tỷ đồng, cấp huyện giảm: 372 tỷ đồng*). Để đảm bảo cân đối thu chi ngân sách địa phương năm 2020 không thấp hơn định mức chi năm 2017 - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh xây dựng phương án xử lý hụt thu ngân sách cấp tỉnh như sau:

1. Đề nghị Trung ương bổ sung trong cân đối bằng với mức chi năm 2017 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020 cộng với phần tăng lương cơ sở từ 1,210 triệu đồng lên 1,490 triệu đồng và kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội trả thay NSTW, tổng số tiền là 3.056 tỷ đồng (*nội dung này UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tại Công văn số 4153/UBND-KT ngày 07/9/2020*) (*Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm*).

2. Sau khi trừ đi phần kinh phí đề nghị Trung ương bổ sung trong cân đối 3.056 tỷ đồng (*tỉnh 2.961 tỷ đồng, huyện 95 tỷ đồng*), phần hụt thu còn lại tỉnh phải xử lý là 1.845 tỷ đồng (*cấp tỉnh 1.568 tỷ đồng, cấp huyện 277 tỷ đồng*). Để đảm bảo cân đối thu chi ngân sách, UBND tỉnh đề nghị xử lý như sau:

2.1. Đối với phần hụt thu ngân sách tỉnh:

a) Cắt, giảm, giãn chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 1.100 tỷ đồng (*tương ứng với phần hụt thu từ thu tiền sử dụng đất*).

b) Sử dụng 70% số dư Quỹ dự trữ tài chính đầu năm 2020 (sau khi đã sử dụng theo chế độ quy định để thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19) khoảng 24 tỷ đồng.

c) Cắt, giảm các khoản chi thường xuyên (*trừ lương và các khoản có tính chất lương*) khoảng 444 tỷ đồng, gồm:

- Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020 và cắt giảm 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại đã bố trí cho các đơn vị cấp tỉnh, dự kiến là 39 tỷ đồng.

- Dừng triển khai các khoản chi mua sắm, sửa chữa đến ngày 30/9/2020 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật và các trường hợp do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định (*kể cả phần ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện mua sắm, sửa chữa*).

- Các nguồn thu hồi, hủy dự toán.

(*Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm*)

2.2. Đối với phần hụt thu ngân sách huyện

Đề nghị HĐND tỉnh yêu cầu HĐND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng phương án điều hành, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương trong trường hợp dự kiến thu ngân sách địa phương giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp, báo cáo HĐND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- TT HĐND tỉnh các huyện, T.xã, T.phố;
- VPUB: C,PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KT viết 282

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC 01

DỰ KIẾN THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2020 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Công văn số 4549/UBND-KT ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020		Ước thực hiện năm 2020	Chênh lệch so với DT		So sánh (%) với DT	
		TW giao	HĐND tỉnh giao		TW giao	HĐND tỉnh giao	TW giao	HĐND tỉnh giao
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(1)	(5)=(3)-(2)	(6)=(3/1)	(7)=(3/2)
	Thu nội địa	13.860.000	15.360.000	10.012.030	(3.847.970)	(5.347.970)	72,2%	65,2%
	Thu từ NMLD Dung Quất	6.602.000	7.102.000	4.050.000	(2.552.000)	(3.052.000)	61,3%	57,0%
	Các khoản thu còn lại	7.258.000	8.258.000	5.962.030	(1.295.970)	(2.295.970)	82,1%	72,2%
	Các khoản còn lại trừ tiền sử dụng đất	6.258.000	6.258.000	5.062.030	(1.195.970)	(1.195.970)	80,9%	80,9%
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A)+(B)	16.648.500	18.598.500	14.510.767	(2.137.733)	(4.087.733)	87,2%	78,0%
A	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (I)+(II)	16.610.000	18.560.000	14.472.267	(2.137.733)	(4.087.733)	87,1%	78,0%
I	Thu nội địa	13.860.000	15.360.000	10.012.030	(3.847.970)	(5.347.970)	72,2%	65,2%
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý	6.987.000	7.487.000	4.389.000	(2.598.000)	(3.098.000)	62,8%	58,6%
	Trong đó thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất	6.602.000	7.102.000	4.050.000	(2.552.000)	(3.052.000)	61,3%	57,0%
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	202.000	220.000	57.000	(145.000)	(163.000)	28,2%	25,9%
	-Thuế giá trị gia tăng	3.259.000	3.400.000	1.450.000	(1.809.000)	(1.950.000)	44,5%	42,6%
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.141.000	3.482.000	2.543.000	(598.000)	(939.000)	81,0%	73,0%
	-Thu khác				-	-		
2	Thu từ DN nhà nước do địa phương quản lý	44.000	44.000	50.000	6.000	6.000	113,6%	113,6%
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	310.000	310.000	380.000	70.000	70.000	122,6%	122,6%
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.327.000	3.327.000	2.300.000	(1.027.000)	(1.027.000)	69,1%	69,1%
5	Lệ phí trước bạ	290.000	290.000	170.000	(120.000)	(120.000)	58,6%	58,6%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-		30	30	30		
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	5.000	4.500	(500)	(500)	90,0%	90,0%
8	Thuế thu nhập cá nhân	465.000	465.000	400.000	(65.000)	(65.000)	86,0%	86,0%
9	Thuế bảo vệ môi trường	820.000	820.000	850.000	30.000	30.000	103,7%	103,7%
10	Thu phí, lệ phí	170.000	170.000	140.000	(30.000)	(30.000)	82,4%	82,4%
11	Tiền sử dụng đất	1.000.000	2.000.000	900.000	(100.000)	(1.100.000)	90,0%	45,0%
	Trong đó: + Tỉnh		1.459.660	359.660		(1.100.000)		24,6%
	+ Huyện		540.340	540.340		-		100,0%
12	Thu cho thuê mặt đất, mặt nước	60.000	60.000	40.000	(20.000)	(20.000)	66,7%	66,7%
13	Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước			500	500	500		
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	55.000	55.000	44.000	(11.000)	(11.000)	80,0%	80,0%
15	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... tại xã	12.000	12.000	12.000	-	-	100,0%	100,0%
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	105.000	105.000	110.000	5.000	5.000	104,8%	104,8%
17	Thu khác	205.000	205.000	220.000	15.000	15.000	107,3%	107,3%
18	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (ĐP hưởng 100%)	5.000	5.000	2.000	(3.000)	(3.000)	40,0%	40,0%
II	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	2.750.000	3.200.000	4.460.237	1.710.237	1.260.237	162,2%	139,4%
1	Thuế xuất khẩu	195.000	195.000	187.419	(7.581)	(7.581)	96,1%	96,1%
2	Thuế nhập khẩu	269.000	269.000	181.458	(87.542)	(87.542)	67,5%	67,5%
3	Thuế giá trị gia tăng	2.275.000	2.725.000	4.038.507	1.763.507	1.313.507	177,5%	148,2%
4	Thuế bảo vệ môi trường	11.000	11.000	52.783	41.783	41.783	479,8%	479,8%
B	Thu vay vốn	38.500	38.500	38.500	-	-	100,0%	100,0%
	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	14.110.520	15.652.545	10.751.611	(3.458.059)	(4.900.934)	76,2%	68,7%

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020		Ước thực hiện năm 2020	Chênh lệch so với DT		So sánh (%) với DT	
		TW giao	HĐND tỉnh giao		TW giao	HĐND tỉnh giao	TW giao	HĐND tỉnh giao
A	Thu cân đối ngân sách địa phương (I)+(II)+(III)+(IV)	14.110.520	15.652.545	10.751.611	(3.458.059)	(4.900.934)	76,2%	68,7%
I	Các khoản thu cân đối NSDP hưởng theo phân cấp	11.838.481	13.281.356	8.380.422	(3.458.059)	(4.900.934)	70,8%	63,1%
	Trong đó: + Tỉnh hưởng		11.091.209	6.562.133		(4.529.077)		59,2%
	+ Huyện hưởng		2.190.147	1.818.289		(371.858)		83,0%
	Không tính thu tiền SDD và xử số thì ĐP hưởng	10.733.481	11.176.356	7.370.422	(3.363.059)	(3.805.934)	68,7%	65,9%
	trong đó: + Tỉnh hưởng		9.526.549	6.092.473		(3.434.077)		64,0%
	+ Huyện hưởng		1.649.807	1.277.949		(371.858)		77,5%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.879.486	2.903.446	1.568.430	(311.056)	(1.335.016)	83,4%	54,0%
2	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ 88%	9.958.995	10.377.910	6.811.992	(3.147.003)	(3.565.918)	68,4%	65,6%
II	Bổ sung từ ngân sách trung ương	2.233.539	2.233.539	2.233.539	-	-	100,0%	100,0%
III	Thu từ chuyển nguồn thực hiện CCTL		99.150	99.150				100,0%
IV	Thu vay vốn	38.500	38.500	38.500	-	-	100,0%	100,0%

Phụ lục 02

TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG ĐỀ XUẤT HỤT THU NSDP NĂM 2020 SO VỚI DỰ TOÁN TRUNG ƯƠNG GIAO

(Kèm theo Công văn số 4548/UBND-KT ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)
ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
A	TỔNG CHI NĂM 2020 tính theo mặt bằng chi năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách) và chi tăng lương theo lộ trình	10.426.885	
I	Chi cân đối NSDP năm 2017	9.138.535	
1	Chi đầu tư phát triển	1.765.330	không bao gồm chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (450 tỷ), xố số kiến thiết (70 tỷ), bội chi (371,3 tỷ)
2	Chi thường xuyên	7.178.895	
3	Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính	1.140	
4	Chi dự phòng ngân sách	193.170	
II	Chi tăng lương (từ 1,210-1,490 triệu đồng)	1.288.350	đã bao gồm phần kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội trả thay NSTW là 560 tỷ
B	THU CÂN ĐỐI NSDP NĂM 2020 HƯỞNG THEO PHÂN CẤP (ƯỚC THỰC HIỆN)	7.370.422	không bao gồm thu tiền sử dụng đất (900 tỷ), xố số kiến thiết (110 tỷ), bội chi (38,5 tỷ)
C	HỤT THU ĐỀ NGHỊ TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG (A-B)	3.056.463	

Phụ lục 03

**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ XỬ LÝ HỤT THU NSĐP NĂM 2020 SO VỚI
DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO**

 (Kèm theo Công văn số **4548** UBND-KT ngày **22/9/2020** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Hụt thu so dự toán TW giao	Hụt thu so dự toán HĐND tỉnh giao			Chênh lệch hụt thu HĐND tỉnh so với TW
			Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
I	HỤT THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020					
1	Hụt thu cân đối phần NSĐP được hưởng	-3.458.059	-4.900.934	-4.529.077	-371.858	-1.442.875
-	Hụt thu tiền sử dụng đất	-100.000	-1.100.000	-1.100.000		
-	Tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	5.000	5.000	5.000		
2	Hụt thu cân đối phần NSĐP được hưởng (không kể thu tiền SD đất, thu XSKT)	-3.363.059	-3.805.934	-3.434.077	-371.858	-442.875
II	NGUỒN ĐỀ XUẤT XỬ LÝ HỤT THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.458.059	4.900.934	4.529.077	371.858	
1	Trung ương bổ sung trong cân đối bằng với mức chi năm 2017	3.056.463	3.056.463	2.961.557	94.906	
2	Cắt, giảm, giãn chi đầu tư	100.000	1.100.000	1.100.000		
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	100.000	1.100.000	1.100.000		
3	Quỹ Dự trữ tài chính	24.000	24.000	24.000		
-	SD 70% số dư đầu năm	24.000	24.000	24.000		
4	Cắt, giảm, giãn các khoản chi thường xuyên	277.596	443.520	443.520		
-	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020 và cắt giảm 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại đã bố trí cho các đơn vị cấp tỉnh	39.000	39.000	39.000		
-	Các khoản chi mua sắm, sửa chữa đến ngày 15/9/2020 chưa phân bổ	238.596	404.520	404.520		
-	Các nguồn thu hồi, hủy dự toán					

